

Bản án số: 435/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 27-12- 2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tám.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Thành.
- Bà Trần Thị Ngọc Hân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/12/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 115/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bùi Thành Đ, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị Thảo T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(*Anh Đ xin vắng mặt, chị T vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Bùi Thành Đ trình bày: Anh và chị T sống chung năm 2018 do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2022 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về tình cảm và tiền bạc nên thường xuyên cự cãi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không có hàn gắn tình cảm. Nay anh nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Thảo T đã được Tòa án thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể hiện được ý kiến trong hồ sơ vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Bùi Thành Đ xin vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Thảo T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Đ:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị T sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 16/10/2018 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh Đ và chị T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh Đ trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về tình cảm và tiền bạc nên thường xuyên cự cãi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Đối với chị T cố tình vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của chị trong quá trình tố tụng.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh Đ và chị T đã ly thân từ tháng 8 năm 2022 đến nay, trong thời gian ly thân không hàn gắn tình cảm được. Điều này chứng tỏ về tình cảm giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh Đ yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Anh Đ trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Anh Đ trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Thành Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thành Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thảo T.

2. Về án phí: Anh Bùi Thành Đ phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026607 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên anh Đ đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tám**